# MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12PT – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **%**  **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | ***Số CH*** | | **Thời gian *(phút)*** |
| ***Số CH*** | ***Thời***  ***gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời***  ***gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời***  ***gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời***  ***gian (phút)*** | ***TN*** | |
| 1 | **A**. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ. | **A**. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ. | 2 | 1,50 | 2 | 2,50 | 3 | 0 | 2 | 0 | 12 | | 4,0 | 10 |
| 2 | **B**. Đặc điểm chung của tự nhiên | **B**.3.Thiên nhiên nhiệt đới ẩm  gió mùa | 6 | 4,50 | 6 | 7,50 | 4 | 5,00 | 2 | 8 | 15 | | 25,0 | 50 |
| 3 | **C**. Kĩ năng | **C**. Đọc bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ | 8 | 6,00 | 4 | 5,00 | 1 | 5,00 | 0 | 0 | 13 | | 16,0 | 40 |
| **Tổng** | | | **16** | **12** | **12** | **15** | **8** | **10** | **4** | **8** | **40** | | **45,00** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** | **45** | | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **100%** | | | | | | | | | | | |

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

* Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi trắc nghiệm
* Mỗi câu hỏi trắc nghiệm khách quan được tính 0,25 điểm;

## BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12PT – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | A. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ | A. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ | ***Nhận biết:***   * Trình bày được vị trí địa lí nước ta. * Nêu được giới hạn phạm vi lãnh thổ Việt Nam.   ***Thông hiểu:***   * Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế – xã hội và quốc phòng. | 2 | 2 | 0 | 2 |
| **2** | B. Đặc điểm chung của tự nhiên Việt  Nam | B.1. Đất nước nhiều đồi núi | ***Nhận biết:***   * Trình bày được các đặc điểm chung của địa hình nước ta.   ***Thông hiểu:***   * Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình. | 2 | 2 | 0 | 1 |
| B.2. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển | ***Nhận biết:***   * Nêu được các đặc điểm chung của biển Đông.   ***Thông hiểu:***   * Trình bày được ảnh hưởng của biển Đông đến thiên nhiên nước ta.   ***Vận dụng:***   * Phân tích được ảnh hưởng của các thiên tai vùng biển đối với sự phát triển kinh tế xã hội. | 2 | 2 | 1\* | 0 |
| B.3. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (Khí hậu) | ***Nhận biết:***   * Nêu được các biểu hiện của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.   ***Thông hiểu:***   * Giải thích được vì sao thiên nhiên nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa.   ***Vận dụng:***   * Phân tích được ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa đến hoạt động đời sống và sản xuất.   ***Vận dụng cao:***   * Giải thích được vì sao hoạt động của gió mùa dẫn đến sự phân chia mùa khí hậu của nước ta. | 2 | 2 | 4 | 1 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **3** | C. Kĩ năng | C. Đọc bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ. | ***Nhận biết:***   * Đọc được các bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam với nội dung: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất đai, thực động vật.   ***Thông hiểu:***   * So sánh, nhận xét bảng số liệu, biểu đồ, các đối tượng địa lí trên bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.   ***Vận dụng:***   * Phân tích và giải thích được số liệu về tự nhiên Việt Nam. | 8 | 4 | 4 | 0 |
| **Tổng** | | |  | **16** | **12** | **8** | **4** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **100%** | | | |

**Lưu ý**:

* Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
* (1\*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: B.3 hoặc B.2 và C.

# MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12PT – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **%**  **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | ***Số CH*** | **Thời gian *(phút)*** | |
| ***Số CH*** | ***Thời***  ***gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời***  ***gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời***  ***gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời***  ***gian (phút)*** | ***TL*** |
| 1 | **A**. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ. | **A**. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ. | 2 | 1,50 | 1 | 1,25 | 2 | 0 | 1 | 0 | 6 | 2,75 | | **7,5** |
| 2 | **B**. Đặc điểm chung của tự nhiên | **B**.1. Đất nước nhiều đồi núi **B**.2.Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển   * 1. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa   2. Thiên nhiên phân hóa đa   dạng | 3 | 2,25 | 4 | 5,00 | 2 | 5,00 | 1 | 8 | 10 | 20,25 | | **37,5** |
| 3 | **C**. Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên | * 1. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.   2. Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai | 3 | 2,25 | 3 | 3,75 | 3 | 0 | 1 | 0 | 10 | 6,00 | | **15,0** |
| 4 | **D**. Kĩ năng | **D**. Đọc bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ | 8 | 6,00 | 4 | 5,00 | 1 | 5,00 | 1 | 0 | 14 | 16,0 | | **40,0** |
| **Tổng** | | | **16** | **12** | **12** | **15** | **8** | **10** | **4** | **8** | **40** | **45** | | **10,0** |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** | | **45** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **100%** | | | | | | | | | | | |

* Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
* Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi trắc nghiệm
* Mỗi câu hỏi trắc nghiệm khách quan được tính 0,25 điểm;

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12PT – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/ kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **A**. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ | **A**. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ | ***Nhận biết:***   * Trình bày được vị trí địa lí nước ta. * Nêu được giới hạn phạm vi lãnh thổ Việt Nam.   ***Thông hiểu:***   * Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế – xã hội và quốc phòng. | 2 | 1 | 0 | 0 |
| **2** | **B**.Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam | **B**.1. Đất nước nhiều đồi núi | ***Nhận biết:***   * Trình bày được các đặc điểm chung của địa hình nước ta.   ***Thông hiểu:***   * Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình. | 1 | 1 | 0 | 0 |
| **B**.2.Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển | ***Nhận biết:***   * Nêu được các đặc điểm chung của biển Đông.   ***Thông hiểu:***   * Trình bày được ảnh hưởng của biển Đông đến thiên nhiên nước ta.   ***Vận dụng:***   * Phân tích được ảnh hưởng của các thiên tai vùng biển đến phát triển kinh tế - xã hội. | 1 | 1 | 1 | 0 |
| **B**.3.Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa | ***Nhận biết:***   * Nêu được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.   ***Thông hiểu:***   * Giải thích được vì sao thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.   ***Vận dụng:***   * Phân tích được ảnh hưởng của các thành phần tự nhiên đến các hoạt động đời sống và sản xuất.   ***Vận dụng cao:***   * Giải thích được vì sao hoạt động của gió mùa dẫn đến sự phân chia mùa của khí hậu nước ta. | 1 | 1 | 1 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/ kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **B**.4.Thiên nhiên phân hóa đa dạng | ***Nhận biết:***   * Trình bày được biểu hiện sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên Việt Nam.   ***Thông hiểu:***   * Giải thích được nguyên nhân sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên Việt Nam.   ***Vận dụng:***   * Phân tích được đặc điểm của cảnh quan ba miền tự nhiên ở nước ta.   ***Vận dụng cao:***   * Giải thích được đặc điểm cảnh quan ba miền tự nhiên ở nước ta. | 1 | 1 |  |  |
| **3** | **C**. Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên | **C**.1. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên | ***Nhận biết:***   * Trình bày được sự suy thoái tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, đất.   ***Thông hiểu:***   * Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm, cạn kiệt tài nguyên. | 2 | 1 | 3 | 2 |
| **C**.2. Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai | ***Nhận biết:***   * Trình bày được chiến lược, chính sách về tài nguyên, môi trường.   ***Thông hiểu:***   * Trình bày được các nguyên nhân gây thiên tai và ô nhiễm môi trường ở nước ta. * Trình bày được một số tác động tiêu cực do thiên nhiên gây ra đã   phá hoại sản xuất, gây thiệt hại về người và của. | 1 | 2 | 3 | 2 |
| **4** | **D**. Kĩ năng | **D.** Đọc bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ | ***Nhận biết:***   * Đọc được các bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam với nội dung: địa hình, khí hậu, sông ngòi, đất đai, thực động vật.   ***Thông hiểu:***   * So sánh được các đối tượng địa lí trên bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam: quy mô, cơ cấu, đặc điểm. Đọc biểu đồ, xử lí, phân tích số liệu thống kê.   ***Vận dụng:*** | 8 | 4 | 2 | 0 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ kiến thức/ kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
|  |  |  | - Đọc biểu đồ, xử lí, phân tích và giải thích được số liệu về tự nhiên Việt Nam. |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | **16** | **12** | **8** | **4** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **100%** | | | |

# Lưu ý:

* Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

## MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12PT - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **%**  **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | **Thời gian *(phút)*** |
| ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***TN*** |
| 1 | A. Địa lí dân cư Việt Nam | * 1. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư   2. Lao động và việc làm   3. Đô thị hóa | 2 | 1,50 | 2 | 2,50 | 1\* | 5,00 | 1\*\* | 0 | 6 | 9,00 | 20 |
| 2 | B. Công cuộc Đổi mới và hội nhập- chuyển dịch cơ cấu kinh tế | B. Công cuộc Đổi mới và hội nhập - chuyển dịch cơ cấu kinh tế | 1 | 0,75 | 2 | 2,50 | 3\* | 0 | 1 | 0 | 7 | 3,25 | 10 |
| 3 | C. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam | * 1. Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp.   2. Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp. | 5 | 3,75 | 4 | 5,00 | 3\* | 0 | 1\*\* | 8 | 13 | 16,75 | 30 |
| 4 | D. Kĩ năng | Đọc bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ | 8 | 6,00 | 4 | 5,00 | 1 | 5,00 | 1 | 0 | 14 | 16,00 | 40 |
| **Tổng** | | | **16** | **12** | **12** | **15** | **8** | **10** | **4** | **8** | **40** | **45,00** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** | **45,00** | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **100%** | | | | | | | | | | |

## Lưu ý:

* + Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
  + Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
  + Mỗi câu hỏi trắc nghiệm khách quan được tính 0,25 điểm; các câu hỏi tự luận cho điểm tương ứng với cấp độ được quy định chi tiết trong hướng dẫn chấm.
  + Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
  + (1\* ) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: A hoặc B hoặc C.
  + (1\*\*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở ở đơn vị kiến thức: A hoặc C.

## BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12PT - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ**  **năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận**  **biết** | **Thông**  **hiểu** | **Vận**  **dụng** | **Vận**  **dụng cao** |
| **1** | A. Địa lí dân cư Việt  Nam | A.1. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư | ***Nhận biết:***   * Trình bày được một số đặc điểm dân số và phân bố dân cư Việt Nam * Biết được một số chính sách dân số ở nước ta   ***Thông hiểu:***   * Phân tích được nguyên nhân của dân số đông, gia tăng dân số nhanh và sự phân bố dân cư chưa hợp lí.   ***Vận dụng:***   * Phân tích được hậu quả của dân đông, gia tăng nhanh, sự phân bố dân cư chưa hợp lí. | 1 | 1\* | 1 | 0 |
| A.2. Lao động và việc làm | ***Thông hiểu:***   * Trình bày được một số đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng lao động ở nước ta. * Phân tích được vì sao việc làm đang là vấn đề gay gắt của nước ta và hướng giải quyết. | 0 | 1 | 0 | 0 |
| A.3. Đô thị hóa | ***Nhận biết:***   * Trình bày được sự phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta   ***Thông hiểu:***   * Trình bày được một số đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam. Nguyên nhân và hậu quả.   ***Vận dụng cao:***   * Liên hệ được việc gia tăng dân số nhanh với đặc điểm đô thị hóa của nước ta | 1 | 1 | 0 | 1\*\*\* |
| **2** | B. Đổi mới và hội nhập  – Chuyển dịch cơ cấu kinh tế |  | ***Nhận biết:***  - Biết công cuộc Đổi mới ở nước ta là một cuộc cải cách toàn diện về kinh tế – xã hội ; bối cảnh và công cuộc hội nhập của nước ta.  ***Thông hiểu :***  *-* Trình bày được ý nghĩa của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đối với sự phát triển kinh tế nước ta.  ***Vận dụng :***  - Phân tích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta. | 1 | 2 | 1\*\* | 0 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  **kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ**  **năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận**  **biết** | **Thông**  **hiểu** | **Vận**  **dụng** | **Vận**  **dụng cao** |
| **3** | C. Địa lí các ngành kinh tế Việt  Nam | C.1. Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp | ***Nhận biết :***   * Trình bày được sự phân bố một số cây trồng, vật nuôi chính của nước ta.   ***Thông hiểu :***   * Trình bày được cơ cấu của ngành nông nghiệp, tình hình phát triển một số cây trồng, vật nuôi chính của nước ta và nguyên nhân.   *-* Phân tích được điều kiện, tình hình phát triển, phân bố ngành thuỷ sản và một số phương hướng phát triển ngành thuỷ sản của nước ta.   * Phân tích được vai trò, tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp, một số vấn đề lớn trong phát triển lâm nghiệp.   ***Vận dụng :***   * Chứng minh được xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. | 3 | 2 | 2\*\* | 2 |
| C.2. Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp | ***Nhận biết:***   * Trình bày được cơ cấu công nghiệp theo ngành, thành phần kinh tế và theo lãnh thổ. * Biết được sự phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm.   ***Thông hiểu:***   * Nhận xét được cơ cấu công nghiệp theo ngành, thành phần kinh tế và theo lãnh thổ. * Nêu được một số nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp. * Phân tích được tình hình phát triển của một số ngành công nghiệp trọng điểm. * Trình bày được khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp.   ***Vận dụng :***   * Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.   ***Vận dụng cao :***   * Liên hệ để giải thích được tình hình phát triển, phân bố một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta hiện nay. | 2 | 2 | 2\*\* | 2 |
| **5** | D. Kĩ năng | Kĩ năng đọc bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ | ***Nhận biết:***   * Đọc được các bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam với nội dung về các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội.   ***Thông hiểu:***   * Nhận xét được bảng số liệu, biểu đồ, các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội trên bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.   ***Vận dụng:***   * Vẽ biểu đồ, nhận xét, so sánh và giải thích được số liệu liên quan đến kinh tế xã hội Việt Nam. | 8 | 4 | 3 | 0 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  **kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ**  **năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận**  **biết** | **Thông**  **hiểu** | **Vận**  **dụng** | **Vận**  **dụng cao** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | **16** | **12** | **8** | **4** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **100%** | | | |

**Lưu ý**:

* + Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
  + (1\* ) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ thông hiểu ở đơn vị kiến thức: A.2, A.3, B, C.1, C.2, D hoặc A.1.
  + (1\*\* ) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: A.1 hoặc B hoặc C.1 hoặc C.2 và D.
  + (1\*\*\*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở đơn vị kiến thức: C.2 hoặc A.3.

# MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

**MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12PT – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **%**  **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | **Thời gian *(phút)*** |
| ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***Số CH*** | ***Thời gian (phút)*** | ***TN***  ***TL*** |
| 1 | **A**. Địa lí dân cư Việt Nam | * 1. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư   2. Đô thị hóa   3. Lao động và việc làm | 1 | 0,75 | 1 | 1,25 | 2\* | 0 | 1\*\* | 0 | 2  0 | 2,00 | **5** |
| 2 | **B**. Công cuộc Đổi mới và hội nhập- chuyển dịch cơ cấu kinh tế | **B**. Công cuộc Đổi mới và hội nhập- chuyển dịch cơ cấu kinh tế | 1 | 0,75 | 1 | 1,25 | 2\* | 0 | 0 | 0 | 2  0 | 2,00 | **5** |
| 3 | **C**. Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam | * 1. Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp.   2. Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp.   3. Một số vấn đề phát triển và phân bố các ngành dịch vụ. | 2 | 1,50 | 2 | 2,50 | 1\* | 5,00 | 1\*\* | 0 | 4  1 | 9,00 | **20** |
| 4 | **D**. Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam | * 1. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.   2. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng.   3. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ.   4. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ.   5. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên.   6. Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở ĐNB.   7. Vấn đề sử dụng và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng SCL. | 4 | 3,00 | 4 | 5,00 | 2\* | 0 |  | 8 | 8  1 | 16,00 | **30** |
| 1\*\* |
|  |
| 1\*\* |
|  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **D**.8.Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở biển Đông và các đảo, quần đảo. |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |
| 5 | **E**. Kĩ năng | **E**. Đọc bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ | 8 | 6,00 | 4 | 5,00 | 2 | 5,00 | 0 | 0 | 12  1 | | 16,00 | **40** |
| **Tổng** | | | **16** | **12** | **12** | **15** | **8** | **10** | **4** | **8** | **40** | | **45,00** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** | **45,00** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **100%** | | | | | | | | | | | |

* Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
* Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi trắc nghiệm.
* Mỗi câu hỏi trắc nghiệm khách quan được tính 0,25 điểm
* (1\* ) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: **A** hoặc **B** hoặc **C** hoặc **D**.
* (1\*\*) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở đơn vị kiến thức: **A** hoặc **C** hoặc **D**.

# BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II

# MÔN: ĐỊA LÍ LỚP 12PT – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ**  **năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **A**.Địa lí dân cư Việt Nam | **A**.1.Đặc điểm dân số và phân bố dân cư | ***Nhận biết:***   * Trình bày được một số đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta. * Trình bày được một số chính sách dân số ở nước ta.   ***Thông hiểu:***   * Phân tích được nguyên nhân của dân đông, gia tăng nhanh và phân bố chưa hợp lí.   ***Vận dụng:***   * Phân tích được hậu quả của dân đông, gia tăng nhanh, sự phân bố dân cư chưa hợp lí. | 1 | 1 | 0 | 0 |
| **A**.2.Đô thị hóa | ***Nhận biết:***   * Trình bày được sự phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta.   ***Thông hiểu:***   * Trình bày được một số đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam ; nguyên nhân và hậu quả.   ***Vận dụng cao :***   * Liên hệ được gia tăng dân số nhanh với đặc điểm đô thị hóa ở nước ta. | 0 | 1\*\* |
| **A**.3.Lao động và việc làm | ***Thông hiểu :***   * Trình bày được một số đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng lao động ở nước ta. * Phân tích được vì sao vấn đề việc làm là vấn đề gay gắt của nước ta và hướng giải quyết. | 0 | 0 | 0 |
| **2** | **B**.Đổi mới và hội nhập  – Chuyển dịch cơ cấu kinh tế | **B**.Đổi mới và hội nhập – Chuyển dịch cơ cấu kinh tế | ***Nhận biết:***  - Biết công cuộc Đổi mới ở nước ta là một cuộc cải cách toàn diện về kinh tế – xã hội ; bối cảnh và công cuộc hội nhập của nước ta; chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.  ***Thông hiểu :***  *-* Trình bày được hiện trạng, ý nghĩa của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đối với sự phát triển kinh tế nước ta.  ***Vận dụng :***  - Phân tích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta. | 1 | 1 | 1\* | 0 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  **kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ**  **năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận**  **biết** | **Thông**  **hiểu** | **Vận**  **dụng** | **Vận**  **dụng cao** |
| **3** | **C**. Địa lí các ngành kinh tế Việt  Nam | **C**.1.Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp. | ***Nhận biết :***   * Trình bày được sự phân bố một số cây trồng, vật nuôi chính của nước ta.   ***Thông hiểu :***   * Trình bày được cơ cấu của ngành nông nghiệp, tình hình phát triển một số cây trồng, vật nuôi chính của nước ta và nguyên nhân.   *-* Phân tích được được điều kiện, tình hình phát triển, phân bố ngành thuỷ sản và một số phương hướng phát triển ngành thuỷ sản của nước ta.   * Phân tích được vai trò, tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp, một số vấn đề lớn trong phát triển lâm nghiệp.   ***Vận dụng :***   * Chứng minh được xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. | 1 | 1 | 1\* | 0 |
| **C**.2.Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp | ***Nhận biết:***   * Trình bày được sự phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm ; cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần và lãnh thổ.   ***Thông hiểu:***   * Nhận xét được cơ cấu công nghiệp theo ngành, thành phần kinh tế và theo lãnh thổ. * Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp. * Phân tích được tình hình phát triển của một số ngành công nghiệp trọng điểm. * Trình bày được khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp.   ***Vận dụng :***   * Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.   ***Vận dụng cao :***   * Liên hệ để giải thích được tình hình phát triển, phân bố một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở nước ta hiện nay | 1\* | 1\*\* |
| **C**.3.Một số vấn đề phát triển và phân bố các ngành dịch vụ | ***Nhận biết :***   * Trình bày được đặc điểm giao thông vận tải, thông tin liên lạc của nước ta.   ***Thông hiểu :***   * Phân tích được các tài nguyên du lịch ở nước ta : tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn. * Phân tích được tình hình phát triển ngành du lịch. Một số trung tâm du lịch chính.   ***Vận dụng :*** | 1 | 1 | 1\* | 1\*\* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ**  **năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận**  **biết** | **Thông**  **hiểu** | **Vận**  **dụng** | **Vận**  **dụng cao** |
|  | * Phân tích được vai trò, tình hình phát triển và sự thay đổi trong cơ cấu của nội thương, ngoại thương.   ***Vận dụng cao :***   * Mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường. |  |  |  |  |
| **4** | **D**. Địa lí các vùng  kinh tế Việt Nam | **D**.1.Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh trong vùng và một số thế mạnh kinh tế.  ***Thông hiểu :***   * Biết được sự phát triển kinh tế của vùng có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế. * Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.   ***Vận dụng:***   * Phân tích việc sử dụng các thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế của vùng ; một số vấn đề đặt ra và biện pháp khắc phục. | 1 | 1 | 1\* | 0 |
| **D**.2.Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương của vùng, nêu được các thế mạnh chủ yếu và các hạn chế của vùng. ***Thông hiểu :***   * Trình bày được tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các định hướng chính ; nguyên nhân của sự chuyển dịch.   ***Vận dụng:***   * Phân tích được tác động của các thế mạnh và hạn chế của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, cơ sở vật chất - kĩ thuật tới sự phát triển kinh tế.   ***Vận dụng cao :***   * Những vấn đề cần giải quyết trong phát triển kinh tế - xã hội. | 0 | 1\*\* |
| **D**.3.Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh trong vùng và việc hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư ; hình thành cơ cấu công nghiệp, hạ tầng giao thông vận tải.  ***Thông hiểu :***  - Phân tích được sự hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ; cơ cấu công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng của vùng. | 1 | 1 | 0 | 0 |
| **D**.4.Vấn đề phát  triển kinh tế - xã | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung | 0 | 0 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ**  **năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận**  **biết** | **Thông**  **hiểu** | **Vận**  **dụng** | **Vận**  **dụng cao** |
| hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ | ương của vùng.   * Trình bày được vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển.   ***Thông hiểu :***   * Trình bày được tầm quan trọng của vấn đề phát triển công nghiệp, cơ sở hạ tầng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng. |  |  |  |  |
| **D**.5.Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh trong vùng và một số điều kiện thuận lợi trong việc khai thác các thế mạnh kinh tế của vùng.  ***Thông hiểu :***   * Hiểu được thực trạng phát triển cây công nghiệp; khai thác và chế biến lâm sản, bảo vệ rừng; phát triển thuỷ điện, thuỷ lợi và những vấn đề của vùng, biện pháp giải quyết những vấn đề đó.   ***Vận dụng:***   * Biện pháp nhằm giải quyết những vấn đề về khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên. * Y nghĩa của việc phát triển kinh tế ở Tây Nguyên.   ***Vận dụng cao***   * So sánh được sự khác nhau về trồng cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên. | 1 | 1 | 1\* | 1\*\* |
| **D**.6.Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở ĐNB | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương của vùng, vai trò của vùng so với cả nước dựa trên các chỉ số kinh tế… ***Thông hiểu :***   * Chứng minh được sự phát triển theo chiều sâu trong công nghiệp, nông nghiệp của Đông Nam Bộ.   ***Vận dụng:***   * Giải thích được sự cần thiết phải khai thác tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ môi trường.   ***Vận dụng cao :***   * Liên hệ được ý nghĩa của khai thác tổng hợp kinh tế biển đối với phát triển kinh tế. | 1\* | 0 |
| **D**.7.Vấn đề sử dụng và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng SCL | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được vị trí của vùng, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương của vùng.   * Trình bày được các thế mạnh và hạn chế về tự nhiên của vùng.   ***Thông hiểu :***   * Phân tích được một số biện pháp cải tạo, sử dụng tự nhiên. | 1 | 1 | 0 | 0 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/ kĩ**  **năng** | **Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận**  **biết** | **Thông**  **hiểu** | **Vận**  **dụng** | **Vận**  **dụng cao** |
| **D**.8.Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở biển Đông và các đảo, quần đảo | ***Nhận biết:***  ***-*** Trình bày được tình hình phát triển kinh tế vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo.  ***Thông hiểu :***   * Hiểu vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng ở nước ta. Đây là nơi có nhiều tài nguyên, có vị trí quan trọng trong an ninh quốc phòng, cần phải bảo vệ. * Biện pháp phát triển kinh tế của vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo. |  |  | 0 | 0 |
| **5** | **E**. Kĩ năng | **E**. Đọc bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam; làm việc với bảng số liệu, biểu đồ | ***Nhận biết:***   * Đọc được các bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam với nội dung về các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội.   ***Thông hiểu:***   * So sánh được các đối tượng địa lí kinh tế - xã hội trên bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.   ***Vận dụng :***   * Vẽ biểu đồ, phân tích, giải thích số liệu thống kê. | 8 | 4 | 1 | 0 |
| **Tổng** | | |  | **16** | **12** | **8** | **4** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **100%** | | | |

**Lưu ý**:

* Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).
* (1\* ) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng ở đơn vị kiến thức: **A.1** hoặc **A**.**2 hoặc C.1 hoặc C.2 hoặc C.3 hoặc D.1 hoặc D.2 hoặc D.5 hoặc D.6**
* (1\*\* ) Giáo viên có thể ra 1 câu hỏi cho đề kiểm tra ở cấp độ vận dụng cao ở đơn vị kiến thức: **A.2 hoặc C.2 hoặc C.3 hoặc D.2 hoặc D.5 hoặc D6**